

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ HẢI ĐĂNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ HẢI ĐĂNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI DANG INVESTMENT CONSTRUCTION AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAI DANG INCT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109635110

3. Ngày thành lập: 17/05/2021

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, ngách 371/44/12/3, ngõ 371 Tổ dân phố Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902220211

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                   | 0810        |
| 2.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                             | 2392        |
| 3.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao | 2395        |
| 4.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                     | 2822        |
| 5.  | Sản xuất máy luyện kim                                            | 2823        |
| 6.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                             | 2824        |
| 7.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                     | 2829        |
| 8.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                            | 3311        |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                        | 3312        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                            | 3313        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện                                            | 3314        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị khác                                            | 3319        |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                           | 3320        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                 | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                           | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                     | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                      | 4212(Chính) |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                          | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                               | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                 | 4229        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                            | 4291 |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                     | 4292 |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                               | 4293 |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4299 |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329 |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330 |
| 32. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659 |
| 34. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                        | 4661 |
| 35. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663 |
| 36. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201 |
| 37. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN HẢI<br>ĐUỜNG | Thôn Nho Lâm,<br>Xã Tam Hồng,<br>Huyện Yên Lạc,<br>Tỉnh Vĩnh Phúc,<br>Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       | 135439160                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM NGỌC<br>ỨNG    | Thôn Ngọc Chi,<br>Xã Quỳnh Bảo,<br>Huyện Quỳnh<br>Phụ, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       | 0340840017<br>46                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                        |                           |        |             |        |           |  |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 3 | HỒ THỊ HƯƠNG | Thôn Yên Thị, Xã Tiên Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 013259859 |  |
|   |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |              |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |              |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |              |                                                                        | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/04/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 135439160

Ngày cấp: 04/10/2011 Nơi cấp: Công an Tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ thường trú: Thôn Nho Lâm, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nho Lâm, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội